

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày 20-10-2020
Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và ông Trương Văn Cường;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20-10-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-DS ngày 15-6-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-DS ngày 14-9-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2020/QĐST-DS ngày 30-9-2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Quốc C - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đức A, xã Thuận B, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- **Bị đơn:** Ông Thái Huy D - Vắng mặt, đã làm thủ tục niêm yết hợp lệ.

Bà Lê Thị H - Vắng mặt, đã làm thủ tục niêm yết hợp lệ.

Địa chỉ: Thôn Đức H, xã Thuận B, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 08-6-2020 (BL 03) của nguyên đơn anh Trần Quốc C trình bày:**

Từ ngày 02-10-2018 đến ngày 17-12-2018, tôi có nhận đồ vật liệu, bê tông thi công nhà kho tại Thôn Đức H, xã Thuận B, huyện Đăk Mil cho vợ chồng ông Thái Huy D và bà Lê Thị H. Quá trình đồ vật liệu, bê tông cho ông D và bà H với tổng số tiền là 271.462.000 đồng, ngày 19-10-2018 ông bà D H đã tạm ứng trước cho tôi số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 231.462.000 đồng ông bà D H cam kết đến ngày 31-12-2018 sẽ thanh toán hết cho tôi. Nhưng từ đó đến nay, mặc dù đã tìm gặp và yêu cầu rất nhiều lần nhưng ông bà D H cứ hẹn hết lần này đến lần khác, cố tình trốn tránh không thanh toán cho tôi.

Đối với các loại mặt hàng được liệt kê cụ thể trong giấy xác nhận nợ ngày 31-12-2018 là do tôi viết, trước khi bà H ký thì đã được đọc lại toàn bộ nội

dung; chữ ký trong giấy xác nhận nợ là của bà Lê Thị H. Mặc dù ông D không có mặt khi ký, nhưng trước khi thi công công trình thì việc liên hệ đồ vật liệu, bê tông chính ông D là người đến cửa hàng nhà tôi gọi vật liệu trước. Quá trình thi công, ông D trực tiếp giám sát thi công, khi thiếu vật liệu bà H là người gọi để bổ sung vật liệu đảm bảo cho việc thi công. Thực tế, việc thi công công trình là theo yêu cầu của vợ chồng ông D và bà H, nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil buộc vợ chồng ông Thái Huy D và bà Lê Thị H cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 231.462.000 đồng cho tôi.

- **Bị đơn ông Thái Huy D và bà Lê Thị H:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh nơi cư trú của ông D và bà H, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, cả bà H và ông D không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nên không đưa ra ý kiến gì trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Quốc C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc vợ chồng ông Thái Huy D và bà Lê Thị H cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 231.462.000 đồng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil phát biểu ý kiến:

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc C, buộc vợ chồng ông Thái Huy D và bà Lê Thị H cùng có trách nhiệm trả cho anh C số tiền còn nợ 231.462.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Huy D và bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Quốc C khởi kiện buộc ông Thái Huy D và bà Lê Thị H trả số tiền 231.462.000 đồng do nợ tiền mua vật liệu của anh C. Do đó, xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Thái Huy D và bà Lê Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đức H, xã Thuận B, huyện Đăk Mil nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông D và bà H không hợp tác lên Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác

minh hiện nay ông D và bà H có mặt tại địa phương không. Kết quả xác minh ngày 29-7-2020 do Công an xã Thuận B, huyện Đăk Mil cung cấp thì cả ông D và bà H đều có mặt tại địa phương. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn ông D và bà H đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn ông D và bà H.

[1.3]. Tại phiên tòa, bị đơn ông D và bà H dù được niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Bà H đã ký vào giấy nợ tiền mua vật liệu với anh C và cam kết bằng miệng đến ngày 31-12-2018 sẽ thanh toán hết nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 08-6-2020, anh C làm đơn khởi kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung khởi kiện: Việc mua bán tài sản giữa anh C với vợ chồng ông D và bà H là hoàn toàn có thật, được thể hiện qua giấy mua bán vật liệu xác lập mà nguyên đơn đã cung cấp bản gốc cho Tòa án, có chữ ký của bà H ký chốt nợ (BL 35). Mặc dù trong giấy tờ không có chữ ký của ông D, nhưng qua biên bản làm việc ngày 02-10-2020 với bà Nguyễn Thị Kiều Ng thể hiện: Ngày 28-3-2019, vợ chồng ông D và bà H có lập hợp đồng chuyển nhượng cho tôi thửa đất số 329, tờ bản đồ số 10, diện tích 720m² và tài sản gắn liền trên đất (*là 01 kho hàng, trước đây kho này do anh C cung cấp vật liệu để xây dựng*). Nội dung này phù hợp với lời khai của anh C; phù hợp với tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập (*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-3-2019 tại Văn phòng công chứng Vũ Minh V*). Như vậy, ông D và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, anh C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết buộc vợ chồng ông D và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ 231.462.000 đồng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Khoản 1 Điều 440 quy định nghĩa vụ trả tiền

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng;

[3]. Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc C, buộc vợ chồng ông Thái Huy D và bà Lê Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh C số tiền 231.462.000 đồng.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 231.462.000 đồng x 5% = 11.573.100 đồng. Do yêu cầu của anh C được chấp nhận nên ông D và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.573.100 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 3 Điều 209 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 430; khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc C.

Buộc ông Thái Huy D và bà Lê Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh C số tiền 231.462.000 đồng (*Hai trăm ba mươi một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trần Quốc C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Thái Huy D và bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì áp dụng áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Huy D và bà Lê Thị H phải chịu 11.573.100 đồng (*Mười một triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn một trăm đồng*). Hoàn trả cho anh Trần Quốc C số tiền 5.786.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003418 ngày 08-6-2020 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trương Ngọc Thanh